

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN N1  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 02 – 2021

*V/v ly hôn giữa chị M và anh N*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N1, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Hồ Thị K Luyến**

2. Bà **Trần Thị Dung**

- *Thư ký phiên tòa:* Cô **Lê Hồng Loan** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N1, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N1, thành phố Cần Thơ:* **Nguyễn Xuân Lộc** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N1, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 562/2020/TLST-HNGĐ 21 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-Hn ngày 26 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lý Sương M**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 16 dãy B T, phường H, quận N1, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Đặng Hoàng N**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 190/15/14C đường 30/4, phường H, quận N1, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Lý Sương M trình bày:*

Năm 2010 qua tìm hiểu tôi và ông Nguyễn Đăng Hoàng N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 10 năm 2010 tại UBND phường H, quận N1, thành phố Cần Thơ, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên khoảng đầu năm 2011 giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đời sống không hạnh phúc. Đến cuối tháng 6 năm 2013 bà và ông Nguyễn Đăng Hoàng N tranh cãi và bỏ mẹ con bà kể từ đó, vợ chồng đã không qua lại hơn 5 năm nay.

Nhiều năm qua con bà đi học, ông N không hỗ trợ được trọn vẹn chi phí học cho con cũng như bà không nhận được khoản hỗ trợ tiền nào để giúp bà lo cho con. Con bà từ nhỏ chỉ nhận được sự chăm sóc của ông bà ngoại, bà và sự yêu thương của người thân của bà. Ông N chưa có lấy 1 ngày chăm sóc cho con trọn vẹn. Con chung năm nay đã học lớp 2, bé cũng nhận thức tốt sự không có mặt của cha và bé cũng không muốn gặp hay nói chuyện với cha nữa. Bé không nhận được gì từ sự chia sẻ, chỉ dạy, quan tâm chăm sóc đến sức khỏe hay việc học tập của bé được 1 ngày nào. Đã 6 năm nay, bà và con không nhận được gì từ cha và ông bà nội của bé. Bà và ông N đã không qua lại từ rất lâu và không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, nhưng bà luôn nhận sự làm phiền của nhiều công ty tài chính về các khoản nợ của ông N mà bà không hề biết từ ông và gia đình ông N. Bà thấy mình bị lợi dụng, ảnh hưởng đến uy tín và danh dự chỉ vì bà và ông N còn hợp pháp trên giấy tờ. Bà quá bất mãn với cuộc sống vợ chồng như vậy. Thật sự bà không thể nhịn nữa, bà đã đề nghị ly hôn nhiều lần nhưng ông N không đồng ý. Nên bà làm đơn này xin được ly hôn với ông Nguyễn Đăng Hoàng N.

*Về nuôi con chung:* Giữa bà và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên K (nữ) sinh ngày 02-07-2012, hiện nay con đang sống với bà. Khi ly hôn bà xin được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con: 1.500.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà đồng ý nhận tổng tiền cấp dưỡng 1 lần hoặc hàng tháng nhận tiền thông qua UBND phường H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn Nguyễn Đăng Hoàng N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến, không có lý do.*

***Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn bà M giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu và đồng ý để Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N1 phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà M và ông N là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành thông báo hòa giải ông N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án điều đó thể hiện ông không còn tha thiết mối quan hệ hôn nhân với bà M. Nhận thấy mâu thuẫn của ông bà đã thật sự trầm trọng do đó yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông N là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M; Về con chung: ông bà có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thiên K sinh ngày 02/07/2012, do cháu đang sống với mẹ và được bà M trực tiếp nuôi dưỡng, hồ sơ thể hiện bà M chăm sóc cháu tốt, cháu đang được đi học ổn định. Đồng thời cháu K cũng có bản tự khai thể hiện nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi bà M và ông N ly hôn. Do đó, cần để cháu tiếp tục sống cùng mẹ. Về yêu cầu cấp dưỡng, bà M không chứng minh được thu nhập của ông N, quá trình giải quyết ông N không có mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông. Tại phiên tòa hôm nay người nuôi con yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; Về nợ chung và tài sản chung: nguyên đơn và M trình bày không có và do xét xử vắng mặt. Trên đây là toàn bộ quan điểm về giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N1 nhận định:

*Về thủ tục:* Ông Nguyễn Đăng Hoàng N đã đã được triệu tập hợp lệ 02 lần trở lên nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông N là phù hợp quy định của pháp luật.

*Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:* Lý Sương M và ông Nguyễn Đăng Hoàng N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn khi phát sinh tranh chấp sẽ thuộc sự điều chỉnh của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do ông N là bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận N1 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N1.

*Về hôn nhân:* Bà M và ông N tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng triệu tập ông N đến nhằm tạo điều kiện hòa giải hàn gắn cho các bên nhưng ông N không đến điều đó cho thấy ông N không tha thiết hàn gắn hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Về nuôi con chung:* bà M và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên K sinh ngày 02/07/2012, hiện nay con chung đang sống với bà M. Khi ly hôn bà xin được nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cháu K đang sống với bà M, hồ sơ thể hiện bé Thiên K có giấy khen điều đó cho thấy bà M đã tạo điều kiện cho cháu được đến trường đúng độ tuổi, được chăm sóc, giáo dục tốt cả về thể chất và tinh thần. Đồng thời, cháu Thiên K đã trên 07 tuổi, cháu đã có ý kiến muốn được sống với mẹ, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống của cháu đã ổn định nên yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K của bà M là có căn cứ. Đồng thời bé K có tự khai xin được sống với mẹ nên cần tiếp tục ổn định cuộc sống của cháu K.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án nhận thấy do ông N vắng mặt không ghi nhận được ý kiến. Tại phiên tòa hôm nay bà M chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng và yêu cầu này là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Thiên K, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Bà M trình bày không có và do xét xử vắng mặt ông N nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

*Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận N1 và quan điểm của Hội đồng xét xử là thống nhất nên ghi nhận.*

*Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông N phải chịu.*

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 26/12/2016 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao quy định án phí, lệ phí tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa bà Lý Sương M và Nguyễn Đăng Hoàng N.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thiên K cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đăng Hoàng N phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thiên K mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung cho ông N không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu K, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà M phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Bà M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002840 ngày 22/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N1, thành phố Cần Thơ được chuyển thành án phí hôn nhân. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: ông Nguyễn Đăng Hoàng N phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. NI;
- Chi cục THADS Q. NI;
- UBND phường H, QNK, TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**ĐỖ THỊ DIỄM TRANG**